

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 151/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2020

V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị H và anh Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 29-4-2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Xóm 11, xã HN, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Thanh Q, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Xóm 11, xã HN, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20 tháng 4 năm 2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đỗ Thanh Q đăng ký kết hôn ngày 13-12-2013 tại Ủy ban nhân dân xã HN, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xóm 11, xã HN được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không tu chí làm ăn, bạn bè rủ rê chơi bời nên đã vướng vào một trong những tệ nạn xã hội là nghiện hút ma túy. Kinh tế gia đình khó khăn, anh Q đi làm nhưng không đem tiền về chăm lo cho vợ con và cuộc sống sinh hoạt gia đình. Nhiều lần chị H đã bỏ qua và khuyên bảo anh Q để vợ chồng lo làm kinh tế và nuôi dạy con cái nhưng anh Q không thay đổi. Không chịu đựng được nữa nên từ tháng 7-2019 chị H về nhà

bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ trách nhiệm, tình cảm kể từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị H đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Như Q, sinh ngày 15-8-2014 và cháu Đỗ Xuân P, sinh ngày 12-11-2017. Hiện nay cháu Q đang ở cùng anh Q, cháu P ở cùng chị H. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Thanh Q không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc nên chị Nguyễn Thị H không đến Tòa án làm việc được, chị H giữ nguyên lời khai ở trên và đề nghị xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

** Quá trình tố tụng bị đơn - anh Đỗ Thanh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q xác nhận lời khai của chị H về thời gian tìm hiểu, kết hôn và quá trình chung sống. Anh Q công nhận trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn do anh Q bị bạn bè rủ rê, lôi kéo đi vào con đường nghiện ma túy, ít đóng góp kinh tế với vợ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích và cãi chửi nhau. Từ tháng 7 năm 2019 chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, bản thân anh Q xác định vẫn còn tình cảm với vợ, hơn nữa các con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn, mong Tòa án xem xét để vợ chồng được về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Như Q, sinh ngày 15-8-2014 và cháu Đỗ Xuân P, sinh ngày 12-11-2017. Hiện nay cháu Q đang ở cùng anh Q, cháu Phúc ở cùng chị H. Nếu bắt buộc phải ly hôn, anh Q tự nguyện để chị H nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Q không cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mà tự có trách nhiệm đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai; anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa theo đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đỗ Thanh Q là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H, anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Thanh Q trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã HN, huyện HH, tỉnh Nam Định tổ chức đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 2013 là hoàn toàn hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ, không quan tâm tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Anh Q tuy đã có gia đình nhưng không chịu khó làm ăn kinh tế, không giữ vững lập trường, bị bạn bè rủ rê lôi kéo đi vào con đường tệ nạn xã hội là nghiện ma túy. Nhiều lần chị H khuyên bảo nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn phát sinh nên từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân. Xác định tình cảm không thể hàn gắn được, chị H làm đơn xin được ly hôn với anh Q. Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Anh Q xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng do vẫn còn tình cảm với vợ, anh mong muốn chị H bỏ qua để vợ chồng được đoàn tụ và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên anh Q không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Q là sâu sắc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị H để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và yêu cầu của các bên thì thấy: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Như Q, sinh ngày 15-8-2014 và cháu Đỗ Xuân P, sinh ngày 12-11-2017. Hiện nay cháu Q đang ở cùng anh Q, cháu Phúc ở cùng chị H. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị; anh Q tự nguyện để chị H nuôi dưỡng cả hai con chung, bản thân anh không cấp dưỡng tiền nuôi con mà tự có trách nhiệm đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần giao hai con chung là cháu Quỳnh và cháu Phúc cho chị H nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H, anh Q được thực hiện quyền thăm con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản và công nợ chung: Các đương sự khai nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Thanh Q.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Đỗ Như Q, sinh ngày 15-8-2014 và cháu Đỗ Xuân P, sinh ngày 12-11-2017 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mà được quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được gây khó khăn cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Hiện nay cháu Q đang ở cùng anh Q, anh Q có trách nhiệm giao con cho chị H nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0002075 ngày 29-4-2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã HN: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga